

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 128 /2021/DS-GĐT

Ngày: 10/5/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Ông Võ Văn Cường

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Nguyễn Hữu Trí

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên của Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thanh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1975.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: số 42- 44 Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A

2. Bị đơn: Bà Thái Thị Thúy G, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 55 L, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1957.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: số 321/2B đường L, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Địa chỉ tạm trú: số 146 Nguyễn Huệ, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

3.2. Ông Nguyễn Phụng N, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 55 Lê Lợi, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

3.3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 177 Trần Hưng Đạo, thị trấn C, huyện C, tỉnh A.

3.4. Ông Nguyễn Phụng M, sinh năm 1993; địa chỉ: số 321/2B đường Lý Thái Tổ, phường M, thành phố L, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn Q, bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Gia đình bà Thái Thị Thúy G và ông Nguyễn Phi H cùng các con là anh Nguyễn Phụng N, anh Nguyễn Phụng M và con dâu là chị Trần Thị H có tham gia 04 dây hụi do của ông, bà làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi 20.000.000đ, nửa tháng khui 01 lần, gồm 24 phần, hụi mở vào ngày 16/01/2016, mãn vào ngày 01/01/2017. Gia đình bà Thúy G tham gia 02 phần, đã hốt hụi, còn lại 19 lần hụi chết chưa nộp là 760.000.000đ.

Dây hụi 20.000.000đ, nửa tháng khui 01 lần, gồm 24 phần, hụi mở vào ngày 19/4/2015, mãn vào ngày 04/4/2016. Gia đình bà Thúy G tham gia 02 phần, đã hốt hụi, còn lại 02 lần hụi chết chưa nộp là 80.000.000đ.

Dây hụi 30.000.000đ, một tháng khui một lần, gồm 25 phần, hụi mở vào ngày 10/5/2015, mãn vào ngày 10/5/2017. Gia đình bà Thúy G tham gia 04 phần, đã hốt hụi, còn lại 14 lần hụi chết chưa nộp là 1.680.000.000đ.

Dây hụi 30.000.000đ, một tháng khui một lần, gồm 25 phần, hụi mở vào ngày 28/12/2015, mãn vào ngày 28/12/2017. Gia đình bà Thúy G tham gia 02 phần, đã hốt hụi, còn lại 22 lần hụi chết chưa nộp là 1.320.000.000đ.

Ngày 28/3/2016, gia đình bà G ký xác nhận nợ hụi là 3.840.000.000đ. Sau đó, bà Thúy G thanh toán được 677.780.000đ (trong đó trừ vào khoản tiền bán căn nhà số 12 đường L, huyện C là 576.200.000đ làm tròn số là 600.000.000đ; bà G trả tiền mặt 77.780.000đ), còn nợ lại 3.162.220.000đ.

Nay, bà yêu cầu bà Thúy G, ông H, anh N, anh M và chị H cùng trả số tiền 3.162.220.000đ và trả lãi từ ngày 01/3/2017 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Thái Thị Thúy G trình bày: Bà đồng ý trả số tiền 3.162.220.000đ cho ông Q, bà H, không đồng ý việc ông Q, bà H yêu cầu buộc ông Hùng và các con của bà cùng chịu trách nhiệm, vì bà tham gia góp hụi nên bà tự chịu trách nhiệm, ông Hg và bà đã sống ly thân từ năm 2004, không liên quan đến ông H và các con của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi H trình bày:

Ông không biết việc bà Thúy G tham gia góp hụi với bà H và ông Q, ông không ký nhận tiền hụi với bà H và ông Q, ông không sử dụng tiền hụi của bà G. Ông và bà Thúy G đã sống ly thân, có cuộc sống riêng, không ăn chung, không ở chung, không ràng buộc về tiền bạc. Ông và bà Thúy G có cùng đứng tên căn nhà, do bà Thúy G có nhu cầu bán căn nhà nên ông và bà Thúy G phải cùng ký tên bán nhà cho bà H và ông Q là 1,8 tỷ đồng. Ông không sử dụng số tiền bán nhà, bà Thúy G sử dụng trả nợ thế nào ông không biết, nhưng bà H và ông Q có viết biên nhận nợ ông 900.000.000đ tiền bán nhà. Nay ông không đồng ý cùng bà Thúy G trả nợ hụi theo yêu cầu của bà H và ông Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phụng N, bà Trần Thị H,

ông Nguyễn Phụng M trình bày: Việc bà Thúy G tham gia góp hụi, anh, chị không biết, không sử dụng tiền hụi và không ký nhận tiền hụi nên không đồng ý theo yêu cầu của bà H và ông Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 24/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà H. Buộc bà Thúy G, ông H, ông N liên đới trả cho ông Q và bà H số tiền gốc 3.162.220.000 đồng và lãi 397.649.165 đồng. Tổng cộng 3.559.869.165 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2018/DS-PT ngày 05/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phi H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/10/2019, ông Nguyễn Phi H, ông Nguyễn Phụng N có đơn đề nghị kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại quyết định số 266/QĐKNGĐT-VC3-V2 ngày 10/11/2020, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2018/DS-PT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ông Hùng và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 3/1987 nhưng không đăng ký kết hôn và đã ly thân từ năm 2004, mỗi người ở một nơi và có cuộc sống riêng. Sau khi ly thân, ông Hùng cư trú tại số 321/2B đường L, Khóm 7, phường M, thành phố L, tỉnh A còn bà Trần Thị H cư trú tại số 177 đường T, thị trấn C, huyện C, tỉnh A. Hai bên cũng đã tách khẩu từ năm 2005.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Thúy G thừa nhận có chơi hụi, còn nợ ông Q, bà H 3.162.220.000 đồng tiền hụi và đồng ý trả cho ông Q, bà H số tiền trên. Ông Quý, bà H cho rằng bà Thúy G và ông H cùng các con là ông N, ông M và con dâu

là bà G tham gia 04 dây hụi do ông, bà làm chủ hụi nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Thúy G.

[3]. Qua xem xét, đối chiếu, đánh giá các giấy hụi do ông Quý, bà H cung cấp thể hiện, bà Thúy G chơi hụi từ năm 2015, xác nhận nợ vào ngày 28/3/2016 và chỉ có bà Thúy G ký nhận hụi, đóng hụi, không có sự tham gia của ông H, ông N. Tuy nhiên, do ông N có ký vào giấy xác nhận nợ ngày 28/3/2016 cùng với bà Thúy G nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông N phải liên đới có trách nhiệm cùng với bà Thúy G trả khoản nợ trên cho ông Quý, bà H là đúng. Riêng ông H, tại thời điểm bà Thúy G chơi hụi, ông H và bà Thúy G không còn chung sống với nhau, ông H không biết, không tham gia và không liên quan đến việc chơi hụi của bà Thúy G.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà Thúy G và ông N trả cho ông Q, bà H 3.559.869.165 đồng là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 266/QĐKNGĐT-VC3-V2 ngày 10/11/2020 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 175/2018/DS-PT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2018/DS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh An Giang (để biết);
- TAND huyện Chợ Mới (để biết);
- CTHADS huyện Chợ Mới (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Cường**

